TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 08/2018/HNGĐ-PT, Ngày 24/10/2018 V/v "Ly hôn, giao con chung, phân chia trách nhiệm trả nợ khi ly hôn".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông: Quàng Văn Liêm.

Các thẩm phán: Ông: Cà Văn Pâng.

Ông: Lương Tiến Phương.

- Thư ký phiên toà: Bà: Đào Thị Huế, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà: Lò Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, phân chia trách nhiệm trả nợ khi ly hôn".*

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 20/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Anh **Vàng A S** - Sinh năm 1992; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản B, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Đăng ký tạm trú: Đội 10, bản L, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Có mặt);

- Bị đơn: Chị **Ngô Thị K** - Sinh năm 1995; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản B, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Địa chỉ đăng ký tạm trú: Bản N, xã T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt);

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.**

- *Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Trần Ngọc N**, Giám đốc phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ; Địa chỉ trụ sở: xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số: 1401/QĐ-NHCS ngày 16/4/2012 của Tổng giám đốc ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2018 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn anh Vàng A S trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh S và chị K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Ngày 29/8/2013 đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Sau kết hôn sống hạnh phúc có hai người con chung:

Vàng Thanh T1 - sinh ngày 20/10/2012.

Vàng Chiến T2 - sinh ngày 08/02/2017.

Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cuộc sống gia đình. Từ việc nhỏ trong gia đình đến tâm lý, tình cảm hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung với nhau. Tình trạng mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khiến tâm lý cả hai đều bị áp lực, mệt mỏi. Ngày 01/4/2018 anh S làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đ giải quyết cho anh S được ly hôn với chị K.

Khi ly hôn anh S có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vàng Thanh T1, chị K được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vàng Chiến T2.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung và sẽ tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh S và chị K có 02 con dê, mỗi con nặng khoảng 12 - 13 kg (hiện tại anh S đang nuôi), mỗi con trị giá 1.000.000 đồng, nguyện vọng của anh S là mỗi người được chia một con.

Về nợ: Hiện tại anh S và chị K còn nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền là 30.000.000 đồng. Theo sổ vay vốn, chương trình hộ người nghèo. Lãi suất 0,55%/ tháng. Phân kỳ trả nợ 12 tháng 6.000.000,0 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 09/6/2021. Vay từ ngày 09/6/2016, cho đến nay anh S, chị K vẫn chưa trả được đồng nào tiền gốc và lãi. Số tiền này anh S vay để chăn nuôi. Nguyện vọng

của anh S là mỗi người phải có trách nhiệm trả 15.000.000 đồng tiền gốc và toàn bộ tiền lãi phát sinh của số tiền 15.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 24/5/2018 và trong quá trình tố tụng bị đơn chị Ngô Thị K trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị K và Anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, như anh S trình bày và có hai người con chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S hay đi chơi không chịu làm ăn, không quan tâm chăm sóc đến vợ con và không chung thủy. Nay tình cảm của vợ chồng không còn, anh S có yêu cầu xin ly hôn, chị K hoàn toàn nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về con chung Chị K có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu vì Chị K làm nương và có thu nhập đủ để nuôi cả hai con chung. Chị yêu cầu anh S phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu T2 là 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Chị và anh chưa có tài sản chung. Chị và anh được bố mẹ chồng cho 03 mảnh đất nương nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh chị làm nhà tạm để sinh sống. Anh S và chị K có 02 con dê, mỗi con trị giá 1.000.000 đồng, nguyện vọng chị K là mỗi người được chia một con.

Hiện tại anh S và chị K còn nợ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tại ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ do anh S vay từ ngày 09/6/2016 và tiền lãi phát sinh cho đến nay. Chị K không nhất trí trả 15.000.000 đồng tiền nợ gốc ngân hàng và toàn bộ tiền lãi phát sinh của số tiền 15.000.000 đồng vì số tiền 30.000.000 đồng do anh S tự đi vay chị K không biết. Chị K thừa nhận sau khi vay số tiền trên anh S có đưa cho chị K 30.000.000 đồng nhưng sau đó chị K lại đưa cho anh S để mua gà, vịt và mua dê để chăn nuôi. Vì vậy, chị K đề nghị Tòa án buộc anh S phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền vay ngân hàng 30.000.000 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh.

Tại các phiên hòa giải ngày 24/5/2018; Ngày 10/7/2018; Và tại phiên tòa Anh S và chị K thỏa thuận ly hôn và chia tài sản chung (mỗi người lấy 01 con dê).

Tại văn bản trả lời ngày 16/4/2018 của giám đốc ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ trình bày:

Phòng giao dịch Ngân hành chính sách xã hội huyện Đ - Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Điện Biên cho anh Vàng A S vay. Tổng dư nợ tính đến ngày 16/4/2018 là 30.000.000 đồng (chưa kể lãi phát sinh), người vay Vàng A S.

Theo quy định khoản vay trên không phải thế chấp tài sản mà vay hộ gia đình bằng hình thức tín chấp qua sổ tiết kiệm và vay vốn. Do đó khi anh S ly hôn, để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo Hợp đồng đã thỏa thuận giữa khách hàng với ngân hàng. Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ đề nghị Tòa án giao trách nhiệm trả nợ cho người nhận tài sản và tiếp tục cư trú tại bản B xã M.

Vì các lẽ trên bản án sơ thẩm số: 20/2018/HNGĐ-ST, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ Quyết định:

1. Về pháp luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471, 472, 473, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

2. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh S và chị K như sau:

Anh Vàng A S và chị Ngô Thị K thuận tình ly hôn.

3. Về nuôi con chung: Tuyên xử:

3.1. Giao con chung là cháu Vàng Thanh T1 - sinh ngày 20/10/2012 cho anh Vàng A S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3.2. Giao con chung là cháu Vàng Chiến T2 - sinh ngày 08/02/2017 cho chị Ngô Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Anh S, chị K cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

4. Về chia tài sản chung: Công nhận sự thoả thuận của anh Vàng A S và chị Ngô Thị K cụ thể như sau:

4.1. Anh Vàng A S được chia 01 con dê màu vàng nặng khoảng 12 - 13 kg trị giá 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

4.2. Chị Ngô Thị K được chia 01 con dê màu vàng nặng khoảng 12 - 13 kg trị giá 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

5. Về Nợ: Tuyên xử:

5.1. Buộc anh Vàng A S phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Điện Biên số tiền gốc là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh của số tiền 15.000.000 đồng.

5.2. Buộc chị Ngô Thị K phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Điện Biên số tiền gốc là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh của số tiền 15.000.000 đồng.

6. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho anh Vàng A S và chị Ngô Thị K.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự. Quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/9/2018, bị đơn Ngô Thị K kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 20/2018/HNGĐ-ST ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về các nội dung sau:

Bản án sơ thẩm buộc tôi (Ngô Thị K) phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền gốc 15000000,0đồng (Mười năm triệu đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh của 15.000.000,0đồng. Tôi không nhất trí. Vì số tiền 30.000.000,0đồng vay của ngân hàng chính sách do anh Vàng A S tự đi vay, tôi không biết. Tôi thừa nhận sau khi vay được số tiền anh Vàng A S có đưa 30.000.000,0đồng cho tôi. Sau đó, tôi đã đưa cho anh S mua gà, vịt, dê để chăn nuôi cải thiện cuộc sống gia đình. Tài sản hiện nay chỉ còn 02 con dê. Tôi không nhất trí trả khoản nợ 15.000.000,0đồng gốc và lãi theo Bản án sơ thẩm tuyên. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án theo hướng buộc anh Vàng A S phải có trách nhiệm trả 30.000.000,0đồng tiền gốc vay và lãi phát sinh.

Tại bản khai ngày 04/10/2018, anh Vàng A S hiện đang chung sống như vợ chồng với chị Lò Thị T và ở bản L, xã H, huyện Đ từ tháng 12/2017. Không có đăng ký kết hôn nhưng giữa anh và chị T đã có một con chung cháu Vàng Bảo L; Sinh năm 2017. Hiện tại Anh đang sinh sống và ở tại bản L, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Tại bản khai ngày 03/10/2018 của chị Ngô Thị K khai: Do anh S có quan hệ bất chính với phụ nữ khác bỏ mặc chị và con. Tháng 12/2017, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở bản N, xã T, thành phố Đ. Từ tháng 02/2018 chị đã chung sống như vợ chồng với anh Giàng A V. Hiện chị đang mang thai tháng thứ 8.

Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Kiểm sát viên tại phiên tòa có ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, xét xử phúc thẩm vụ kiện Tòa án đã thực hiện đúng quy định tố tụng. Các đương sự được đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo tố tụng. Về nội dung kháng cáo thấy: Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa chị K khai sau khi vay được 30.000.000,0đồng anh S đã đưa cho chị K. Số tiền anh S đã dùng để mua dê, gà ,vịt để nuôi. Căn cứ vào Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng thì vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: "Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình". Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị K và anh S cùng chịu trách nhiệm khoản tiền 30.000.000,0đồng vay của ngân hàng chính sách là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Trong quá trình tố tụng cấp sơ thẩm thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo thấy:

[2.1] Phạm vi và thời hạn kháng cáo:

Ngày 04/9/2018 bị đơn Ngô Thị K kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 20/2018/HNGĐ-ST ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ trong thời hạn kháng cáo. Hình thức và Nội dung kháng cáo phù hợp với quy định Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo:

Giấy chứng nhận số: 002/UBND-GN, chứng nhận hộ nghèo năm 2016, 2017, 2018 của Ủy ban nhân dân xã M xác định chủ hộ Vàng A S, vợ là Ngô Thị K. Sổ vay vốn của ngân hàng chính sách xã hội xác định vốn vay cho chương trình hộ nghèo trồng trọt chăn nuôi.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình Quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng thì vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: "Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia

đình". Theo đó, các giao dịch mà do một bên vợ hoặc chồng xác lập để nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì vợ và chồng phải chịu trách nhiệm liên đới.

Căn cứ vào lời khai của chị Ngô Thị K trong quá trình tố tụng và trong đơn kháng cáo Chị thừa nhận sau khi vay tiền ngân hàng anh S có đưa toàn bộ số tiền vay được (30.000.000,0đồng) cho Chị cầm. Chị cũng khai số tiền vay anh S đã dùng để mua giống (mua dê, gà ,vịt) để tăng gia, sản xuất. Vì vậy, lý do kháng cáo không biết về khoản vay nên không chịu trách nhiệm trả nợ chung cùng anh S là không có căn cứ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308/BLTTDS Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Ngô Thị K và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét nội dung bản án liên quan đến nội dung kháng cáo thấy:

Cấp sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Miễn nộp tiền án phí án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho anh Vàng A S và chị Ngô Thị K. Chị K và anh S có sổ chứng nhận hộ nghèo, thuộc đối tượng được miễn án phí tòa án. Nhưng tại hồ sơ vụ kiện thể hiện anh S hoặc chị K không có đơn đề nghị miễn án phí Tòa án. Cấp sơ thẩm không thực hiện việc xem xét miễn án phí và thông báo miễn án phí theo quy định tại điều 14,15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là vi phạm thủ tục thụ lý vụ án. Nhưng sự vi phạm không gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên không sửa án sơ thẩm.

[4] Án phí: Chị K và anh S thuộc hộ người nghèo. Tại phiên tòa chị K đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí phúc thẩm. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án và lệ phí tòa án miễn án phí dân sự phúc thẩm cho các đương sự.

Vì các lẽ trên Hội đồng xét xử quyết định;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng Điều 308/BLTTDS. Khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án và lệ phí tòa án.

2. Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của chị Ngô Thị K. Giữ nguyên bản án dân sự hôn nhân và gia đình số: 20/2018/HNGĐ-ST ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

3. Chị Ngô Thị K được miễn án phí phúc thẩm.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 24/10/2018).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Đ.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên.
- Lưu hồ sơ vụ án; Văn phòng hành chính.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quàng Văn Liêm